

Bản án số: 45/2019/HS-PT
Ngày: 09-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Quốc Hiếu.

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 39/2019/TLPT-HS, ngày 17 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo Huỳnh Ngọc T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2019/HS-ST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL.

Bị cáo kháng cáo: Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 22/11/1978; giới tính: Nam; nơi cư trú: số 6x, ĐTH, phường 8, tp. VL, tỉnh VL; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: tài xế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Văn H (chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1946; vợ Phùng Thị Mai Ph, sinh năm 1980 (đã ly hôn); con 02 người, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006; anh, chị ruột: có 04 người, lớn nhất là sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại, hiện có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo có ông Cao Văn Tiếp, luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Thiện Lý, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

+ ***Bị hại:*** Nguyễn Kim H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 1xx/8 ấp TT, xã TH, huyện LH, VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Ngọc T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI 649xxx thửa 1xx, tờ bản đồ số 2x, diện tích 32,2m², tọa lạc tại khóm 3, phường 8, tp. VL, tỉnh VL, do Ủy ban nhân dân tp. VL cấp ngày 26/5/2014.

Ngày 19/12/2014, Huỳnh Ngọc T đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI649xxx, thế chấp vay tiền tại Phòng giao dịch Khu công nghiệp HP - Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh VL.

Khoảng tháng 10/2015, do T thiếu tiền nhiều người mà không có tiền trả và đang cần tiền, đồng thời Thái biết được bà Nguyễn Kim H có cho vay tiền; nên T nảy sinh ý định làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền của bà H.

T lên trang mạng xã hội Facebook tìm kiếm và thuê người làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI649xxx thửa 1xx, tờ bản đồ số 2x, diện tích 32,2m², tọa lạc tại khóm 3, phường 8, tp. VL, tỉnh VL, với số tiền 3.000.000đ. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, T đến gặp bà H và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay và nhận 04 lần với tổng số tiền 65.000.000đ, cụ thể:

Ngày 16/11/2015 vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 05%/tháng.

Ngày 17/11/2015 vay thêm số tiền 10.000.000đ.

Ngày 18/11/2015, T đến nhà bà H vay tiếp số tiền 20.000.000đ, nhưng bà H yêu cầu phải có vợ của T ký tên xác nhận mới cho vay. T tự viết biên nhận theo yêu cầu của bà Huệ, viết xong đưa vợ là chị Phùng Thị Mai Ph ký tên; đồng thời bà H đưa giấy thế chấp ngày 16/11/2015 cho Ph ký tên. Số tiền vay được, T sử dụng vào mục đích cá nhân.

Do T không thực hiện đóng lãi theo thỏa thuận, nên ngày 16/3/2016 bà H yêu cầu T làm giấy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng phần đất T đã thế chấp (của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả) cho bà H và T đồng ý. Ngày 24/4/2016 T đến nhà bà H để vay tiếp số tiền 15.000.000đ. Bà H yêu cầu T viết tờ cam kết thời hạn trả tiền 65.000.000đ là ngày 05/5/2016. Nếu không thực hiện việc trả nợ thì phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà H. T đồng ý viết cam kết và nhận số tiền 15.000.000đ.

Ngày 10/5/2016, T trả xong tiền vay và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI649xxx thật từ Phòng giao dịch Khu công nghiệp HP - Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh VL, nhưng không đưa cho bà Nguyễn Kim H, mà T sau đó chuyển nhượng phần đất diện tích 32,2m², thửa 1xx, tờ bản đồ số 2x, tọa lạc tại khóm 3, phường 8, thành phố VL, tỉnh VL, cho ông Ngô Văn H, sinh năm 1971, trú tại 6xx, ĐTH, phường 8, tp. VL. Ngày 23/6/2016, ông Ngô Văn H được Sở tài nguyên môi trường tỉnh VL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do T không thực hiện đúng việc trả tiền vốn và lãi cho bà H như đã thỏa thuận, nên ngày 30/10/2017 bà H đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do T thế chấp cho bà H đến Ủy ban nhân dân Phường 8, tp. VL chứng thực bản sao y để khởi kiện ra Tòa. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường 8 đã phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI649xxx là giả.

Kết luận giám định số: 4xx/KLGD-PC54 ngày 20/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh VL đã kết luận:

- Hình tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN TP. VL” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với dấu hình tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đóng dấu tên Nguyễn Việt T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Việt T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đóng dấu tên Nguyễn Hữu V trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Hữu V trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là không phải do cùng một người ký ra.

Đối với hành vi Huỳnh Ngọc T thuê người làm giả giấy tờ và nhận giấy tờ giả được thực hiện tại thành phố VL. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện LH có văn bản thông báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tp VL tiếp tục điều tra làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

Đối với hành vi của chị Phùng Thị Mai Ph có ký tên vào giấy thế chấp và biên nhận tiền theo yêu cầu của T. Chị Ph không có vụ lợi trong vụ án, chị Ph không biết Thái thực hiện hành vi dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp nên không đủ yếu tố truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2019/HS-ST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện LH đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Phạt bị cáo Huỳnh Ngọc T mức án 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22/3/2019, bị cáo Huỳnh Ngọc T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Ngọc T đã thừa nhận án sơ thẩm đã xét xử đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo đã không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục xong thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phải nuôi mẹ già bị bệnh và con nhỏ, gia cảnh của bị cáo thật sự khó khăn,...nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Ngọc T đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm. Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị cáo xác định không có khiếu nại. Những lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án là do bị cáo tự nguyện khai, không bị ép buộc hay dùng nhục hình; qua đó thể hiện: Huỳnh Ngọc T thiếu tiền nhiều người nhưng không có tiền trả và cần tiền để tiêu xài, nên bị cáo tìm trên mạng xã hội facebook và thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI649xxx phần đất diện tích 32,2m², thửa 1xx, tờ bản đồ số 2x, tọa lạc tại khóm 3, phường 8, tp. VL, tỉnh VL (do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật do bị cáo đứng tên đã thế chấp Ngân hàng). Do bị cáo biết bị hại Nguyễn Kim H có cho vay, nên bị cáo đã đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho bị hại và đã chiếm đoạt số tiền 65.000.000đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, là đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo có đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo; mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và đã áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần; các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo,..và đã xử phạt bị cáo mức án 09 (chín) tháng tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[3] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[4] Đối với quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo là chưa có cơ sở, nên không chấp nhận.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Ngọc T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2019/HS-ST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện LH.

2. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Ngọc T: 09 (chín) tháng tù, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM:01;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM:01;
- Chánh án Tòa án tỉnh VL:01;
- Viện kiểm sát tỉnh VL:02;
- Tòa án nhân dân huyện LH:01;
- Viện kiểm sát huyện LH:01;
- Chi cục thi hành án huyện LH:01;
- Bị cáo:01; bị hại:01;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Triệu Quốc Hiếu